

# KIẾN THỨC BẢN ĐỊA VỀ DI SẢN ĐỊA CHẤT Ở CÔNG VIÊN ĐỊA CHẤT CAO NGUYÊN ĐÁ ĐỒNG VĂN, TỈNH HÀ GIANG: MỘT VÀI KHÁM PHÁ BƯỚC ĐẦU

LƯƠNG THỊ TUẤT, TRẦN TÂN VĂN, ĐOÀN THẾ ANH, HỒ TIẾN CHUNG,  
PHẠM VIỆT HÀ, ĐẶNG TRẦN HUYỀN, ĐÀM NGỌC, ĐỖ THỊ YẾN NGỌC,  
NGUYỄN ĐẠI TRUNG, PHẠM KHẢ TÙY, ĐOÀN NHẬT TRƯỜNG

*Viện Khoa học Địa chất và Khoáng sản, Km 9, Thanh Xuân, Hà Nội*

**Tóm tắt:** Trong vài năm gần đây, bắt nhịp với xu thế phát triển mạnh mẽ của thế giới, Việt Nam đã có một số kết quả đáng ghi nhận trong nghiên cứu và bảo tồn di sản nói chung và di sản địa chất (DSDC) nói riêng. Xây dựng công viên địa chất (CVĐC) được coi là giải pháp hữu hiệu hàng đầu để bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, trong đó vai trò chủ đạo là các DSDC.

Cao nguyên đá Đồng Văn, tỉnh Hà Giang đã trở thành CVĐC đầu tiên của Việt Nam và hiện đang được các nhà khoa học hỗ trợ lập hồ sơ trình UNESCO xét công nhận là CVĐC Toàn cầu. Lần đầu tiên vùng này đã được điều tra, nghiên cứu và đánh giá một cách tổng thể, làm tiền đề cho việc xây dựng và vận hành CVĐC. Bài báo dưới đây giới thiệu một số khám phá bước đầu về những kiến thức bản địa về DSDC - những tinh hoa của bao thế hệ các dân tộc ít người trên cao nguyên đá đã được chắt lọc và gìn giữ từ hàng ngàn đời nay

## I. MỞ ĐẦU

Xây dựng CVĐC là một lĩnh vực phát triển mới của khoa học địa chất hướng tới bảo tồn tổng thể các giá trị di sản, trong đó đối tượng chủ đạo là DSDC, góp phần phát triển bền vững và bảo vệ môi trường. Trong lịch sử phát triển xã hội loài người, tài nguyên địa chất (TNĐC) đã dần được phát hiện và đưa vào khai thác sử dụng theo mức độ ngày càng đa dạng với quy mô ngày càng lớn. Từ việc chọn những hòn đá thô sơ để làm công cụ lao động tiến đến thăm dò khai thác khoáng sản, dầu khí v.v. đã đánh dấu những bước tiến của nhân loại trong việc khai thác và sử dụng TNĐC. Tuy nhiên, việc khai thác và sử dụng TNĐC quá mức như hiện nay đang đặt loài người trước một nguy cơ lớn là làm cho nguồn tài nguyên không tái tạo này ngày càng cạn kiệt, môi trường ngày càng suy thoái. Trong khi đó, khái niệm về TNĐC lại không ngừng mở rộng, không ngừng đổi mới, khiến người ta ngày càng phải cẩn trọng trước bài toán khai thác và sử dụng TNĐC một cách hợp lý, bền vững, và “để dành” cho thế hệ mai sau. Nhằm bảo tồn nguồn TNĐC vô cùng quý giá này, trong những thập niên gần đây, nhiều nước trên thế giới theo định hướng của UNESCO đã nghiên cứu và sử dụng chúng theo hướng bảo tồn và phát huy các giá trị DSDC cùng với các giá trị di sản khác dưới hình thức xây dựng CVĐC, phát triển du lịch địa chất (DLĐC). Ở nhiều nơi, đây có thể là giải pháp tối ưu để xóa đói giảm nghèo, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường, sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên và cùng hướng tới mục tiêu chung là phát triển bền vững.

Tháng 9/2009, sau một thời gian được các nhà khoa học điều tra, nghiên cứu, đánh giá trong khuôn khổ đề tài KC.08.20 “Điều tra, nghiên cứu tiềm năng DSDC và triển vọng xây dựng CVĐC ở miền Bắc Việt Nam” thuộc Chương trình trọng điểm cấp nhà nước KC.08 “Khoa học và công nghệ phục vụ phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên” và dự án hợp tác Việt-Bỉ “Nâng cao năng lực nghiên cứu phát triển CVĐC ở một số khu vực Đông Bắc Việt Nam”, UBND

tỉnh Hà Giang đã ra quyết định thành lập CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn trên diện tích 2356 km<sup>2</sup> của toàn bộ 4 huyện: Đồng Văn, Mèo Vạc, Yên Minh và Quản Bạ [16]. Ngay sau đó, CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn cũng được các nhà khoa học Viện KH ĐC&KS hỗ trợ lập hồ sơ trình Nhà nước và UNESCO xét công nhận là CVĐC Quốc gia và CVĐC Toàn cầu [14]. Trong quá trình lập hồ sơ, bên cạnh giá trị chủ đạo là các DSĐC thì các giá trị khác như đa dạng sinh học, khảo cổ, lịch sử và văn hóa xã hội cũng đã được xem xét nhằm phát huy tối đa các giá trị tổng thể của khu vực. Chính ở đây, trong quá trình nghiên cứu, luận giải các giá trị DSĐC, đã xảy ra một cuộc hội ngộ lý thú giữa một bên là phát hiện của các nhà khoa học và một bên là những chất lọc tinh hoa của bao thế hệ đồng bào 17 dân tộc ít người đã hàng ngàn đời nay kiên cường bám trụ trên mảnh đất tiền tiêu ở điểm cực bắc của Tổ quốc - những vùng tập trung phong phú các giá trị DSĐC bậc nhất của cao nguyên đá thường cũng là nơi hội tụ các giá trị di sản khác, đặc biệt là các di sản văn hóa. Kỳ thú hơn, nhiều DSĐC nổi bật còn được đồng bào các dân tộc lý giải theo cách rất riêng của mình dưới dạng các truyền thuyết, các sự tích v.v., để gìn giữ từ đời này sang đời khác. Phải chăng những vùng tập trung DSĐC lại cũng chính là các “*địa linh*” mà “*nhân kiệt*” các dân tộc từ bao đời nay đã cảm nhận được, để cùng đến đó quần tụ mà sáng tạo ra các dạng di sản khác? Nếu quả thế thì rõ ràng, từ rất lâu trước khi các DSĐC được tìm ra, luận giải và đánh giá “*một cách khoa học*” các DSĐC thì đã tồn tại một “*kiến thức bản địa*”, dưới dạng các cảm nhận, truyền thuyết, sự tích v.v. của đồng bào các dân tộc trong vùng. Có lẽ, trên tất cả, trên cả các giá trị di sản được xem xét một cách riêng rẽ, đây chính là nét độc đáo nhất mà CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn có thể giới thiệu với toàn thể con dân nước Việt cũng như toàn thể nhân loại, để tự hào, nhận rõ trách nhiệm, để cùng chung tay bảo tồn và phát huy các giá trị di sản, và để xứng đáng với danh hiệu CVĐC Toàn cầu, một danh hiệu mà chúng ta tin tưởng rằng, trong tương lai rất gần, Cao nguyên đá Đồng Văn sẽ được UNESCO trao tặng.

## II. MỘT SỐ KHÁI NIỆM

- **Di sản địa chất:** là những phần TNĐC có giá trị nổi bật về khoa học, giáo dục, thẩm mỹ và kinh tế, là các cảnh quan địa mạo, các di chỉ cổ sinh, hoá thạch, các miệng núi lửa đã tắt hoặc đang hoạt động, các hang động, hẻm vực sông, hồ tự nhiên, thác nước, các diện lộ tự nhiên hay nhân tạo của đá và quặng v.v., những dấu ấn phản ánh một cách trực quan và sinh động nhất lịch sử tiến hóa hơn 4,6 tỷ năm của hành tinh Trái đất. Cũng như các dạng di sản khác, DSĐC là tài nguyên không thể tái tạo; chúng không chỉ là tài sản của một khu vực, một quốc gia mà là của chung toàn nhân loại nên cần được bảo tồn, khai thác và sử dụng bền vững. Với cách hiểu như vậy, DSĐC được coi là một bộ phận quan trọng của DSTN.

- **Công viên địa chất:** là một vùng tự nhiên độc đáo có ranh giới rõ ràng, có một tập hợp các DSĐC có giá trị khoa học địa chất đặc thù làm chủ thể, phân bố trong một phạm vi nhất định, hài hòa với cảnh quan thiên nhiên và đồng thời chứa đựng các giá trị về đa dạng sinh học, khảo cổ, lịch sử và văn hóa - xã hội. Nói một cách khác, muốn trở thành một CVĐC, vùng được đề xuất phải có một ranh giới rõ ràng và phải đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về đa dạng địa chất - địa mạo, đa dạng sinh học, đa dạng về các giá trị khảo cổ, lịch sử, văn hóa - xã hội. Xây dựng CVĐC là một phương thức mới tối ưu để sử dụng TNĐC. Việc xây dựng CVĐC đã làm thay đổi phương thức sử dụng tài nguyên truyền thống, giúp cho tài nguyên DSĐC quý giá không cần phải thay đổi diện mạo và tính chất vốn có mà vẫn được bảo tồn và sử dụng bền vững mãi mãi. Với phương thức sử dụng tài nguyên mới này, tài nguyên DSĐC đóng vai trò rất quan trọng đối với sự phát triển ngành du lịch nói riêng và nền kinh tế nói chung. Xây dựng CVĐC thực chất là hướng tới việc bảo tồn thiên nhiên một cách tổng thể, tức là bảo tồn mọi giá trị di sản, từ các di sản phi địa chất như văn hóa, xã hội, lịch sử, đến đa dạng sinh học v.v., bên cạnh giá trị chủ đạo là các DSĐC. Xây dựng CVĐC do vậy được coi là giải pháp hữu hiệu hàng đầu để bảo tồn và phát huy tổng thể các giá trị di sản của một khu vực, trong đó bao gồm cả các DSTN và di sản nhân văn [14].

### III. KHÁI QUÁT VỀ CAO NGUYÊN ĐÁ ĐỒNG VĂN

Cao nguyên đá Đồng Văn nằm ở điểm cực bắc nước ta, bao gồm 4 huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc của tỉnh Hà Giang, từ lâu được biết đến như một xứ sở xa xôi có địa hình hùng vĩ nhưng vô cùng hiểm trở, đi lại khó khăn, đời sống của đồng bào nơi đây hàng ngày phải đối mặt với muôn vàn khó khăn do thiếu đất và nước để sinh hoạt và canh tác. Nhờ những chính sách ưu tiên phát triển kinh tế miền núi của Đảng và Nhà nước, đời sống của đồng bào ở Hà Giang nói chung, và ở Cao nguyên đá Đồng Văn nói riêng, hiện nay đã có nhiều khởi sắc. Trong những năm gần đây, được sự đồng thuận của UBND tỉnh Hà Giang, các nhà địa chất Viện KH ĐC&KS kết hợp với các chuyên gia Bỉ và một số cơ quan khác đã điều tra xác lập nhiều kiểu loại DSĐC, bao gồm các di sản kiến tạo, địa mạo, cổ sinh, địa tầng, cổ môi trường, địa chất karst, địa chất thủy văn v.v., rất có giá trị khoa học và thực tiễn, hướng tới xây dựng vùng này trở thành một CVĐC tầm cỡ quốc gia và quốc tế [9, 14]. Cũng theo kết quả điều tra nghiên cứu của các nhà khoa học, Cao nguyên đá Đồng Văn hội đủ tất cả những tiêu chí để thành lập CVĐC và đã được lập hồ sơ trình Nhà nước và UNESCO xét công nhận là CVĐC Quốc gia và gia nhập vào mạng lưới CVĐC Toàn cầu của UNESCO (GGN). Việc thành lập CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn hướng tới 3 mục tiêu cao cả là: 1. Bảo tồn các DSĐC đồng thời với các giá trị khác như đa dạng sinh học, khảo cổ, lịch sử, văn hóa - xã hội của khu vực; 2. Góp phần quảng bá, nâng cao nhận thức cộng đồng về các khoa học Trái đất, giáo dục lòng yêu thiên nhiên và trách nhiệm công dân trong việc bảo vệ và khai thác bền vững các DSĐC; 3. Thúc đẩy các hoạt động phát triển kinh tế bền vững của địa phương như du lịch địa chất, du lịch sinh thái và các hoạt động kinh tế phụ trợ khác, tạo nguồn thu nhập bổ sung cho cộng đồng địa phương, góp phần xóa đói giảm nghèo cho người dân trên Cao nguyên đá Đồng Văn [1, 14, 16].

### IV. MỘT VÀI KHÁM PHÁ VỀ KIẾN THỨC BẢN ĐỊA VỀ DSĐC Ở CAO NGUYÊN ĐÁ ĐỒNG VĂN

Nơi chứa đựng các DSĐC cũng chính là chiếc nôi phát sinh, phát triển và lưu giữ những giá trị khác như đa dạng sinh học, khảo cổ, lịch sử, văn hoá - xã hội v.v. Do đó, việc bảo tồn và phát huy giá trị các DSĐC trên Cao nguyên đá Đồng Văn đồng nghĩa với việc bảo tồn và phát huy các giá trị di sản đồng hành khác.

Điều kiện tự nhiên của Hà Giang nói chung và Cao nguyên đá Đồng Văn nói riêng đã tạo ra ở nơi đây một nền văn hóa đa dạng và giàu bản sắc. Để thích ứng với điều kiện tự nhiên vô cùng khắc nghiệt, cộng đồng 22 dân tộc sống trên đất Hà Giang (và 17 trên Cao nguyên đá Đồng Văn) qua thực tiễn cuộc sống đã dần dần tạo dựng cho mình những kho tàng kiến thức vô cùng phong phú, thể hiện kỹ năng sống thích ứng và hòa đồng với thiên nhiên trong lao động sản xuất cũng như trong các lĩnh vực sinh hoạt văn hóa xã hội của cộng đồng. Do sinh sống trên những triền núi cao, đi lại rất khó khăn nên các tộc người ở đây sống gần như biệt lập và đến nay hầu như vẫn lưu giữ nguyên vẹn những giá trị văn hóa truyền thống rất độc đáo (của mình). Cao nguyên đá với ấn tượng đậm đặc nhất đối với du khách khi đến nơi đây là đá. Đá ba bề bốn bên, trong nhà cũng đá mà ngoài ngõ cũng đá, sống trên đá và chết vui trong đá. Cuộc sống của đồng bào nơi đây do vậy đã sản sinh ra những nét đặc trưng của một nền văn hóa đá. Phương thức canh tác trên nương đá, những bức tường rào bằng đá, vóc dáng nhỏ bé nhưng rắn rỏi như thách thức với thiên nhiên của người dân và thậm chí là của cả những loài động thực vật nơi đây đã thể hiện một sức sống vô cùng mãnh liệt, là nét độc đáo không thể bắt gặp ở bất cứ nơi đâu. Phần dưới đây giới thiệu một số DSĐC tiêu biểu của Cao nguyên đá Đồng Văn theo cách hiểu của người dân địa phương.

#### 1. Núi đôi Cô Tiên ở Quản Bạ

Nếu coi CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn gồm 4 huyện Quản Bạ, Yên Minh, Đồng Văn và Mèo Vạc là một “*Thiên đường Đá*” thì Cổng Trời Quản Bạ và Thị trấn Tam Sơn chính là cánh cổng có sức cuốn hút kỳ lạ dẫn dắt bước chân của du khách vào chốn thiên đường này.

Từ góc độ khoa học địa chất và giá trị DSDC, thị trấn Tam Sơn của huyện Quản Bạ là một thung lũng kiến tạo được hình thành do hoạt động của đứt gãy thuận Quản Bạ phương TB-ĐN, xảy ra trong vỏ Trái đất vào Trias sớm, cách đây khoảng 250 triệu năm, cắt qua đá vôi tuổi Devon hệ tầng Khao Lộc (D<sub>1-2</sub> kl). Trong giai đoạn tân kiến tạo (cách đây khoảng 32 triệu năm), đứt gãy Quản Bạ tái hoạt động với cơ chế trượt băng trái mà dấu tích của hoạt động này còn lưu lại rõ nét ở những nếp uốn nhỏ (Hình 3), dựng đứng ở ngay dưới chân chòi quan sát núi Đồi Cô Tiên, ở mặt trượt dốc đứng phương TB-ĐN cắt qua đới dăm vôi ở ĐN thị trấn Tam Sơn. Mặt trượt láng bóng của đứt gãy Quản Bạ (Hình 4) ở thị trấn Tam Sơn chính là một giáo cụ trực quan thiên tạo sinh động nhất giúp du khách hình dung được những hoạt động kiến tạo mãnh liệt xảy ra trong lịch sử xa xưa của Trái đất. Đứt gãy Quản Bạ cũng chính là ranh giới giữa phức nếp lồi ở phía TN và phức nếp lõm ở phía ĐB của khu vực. Kết quả của các quá trình địa chất vô cùng phức tạp đã tạo ra ở đây những cảnh quan độc đáo như: thung lũng đứt gãy Quản Bạ, các bề mặt san bằng được quan sát rất rõ từ chòi quan sát Núi Đồi Cô Tiên, các chóp đá vôi tách rời kiểu fenglin, các rừng đá (thạch lâm), ruộng bậc thang trên thềm travertin, địa hình núi đơn nghiêng (cuesta), những thác nước thơ mộng, v.v..

Thung lũng Quản Bạ được cấu tạo chủ yếu bởi các đá dăm kết vôi có độ gắn kết kém, là sản phẩm của hoạt động của đứt gãy. Giữa vùng địa hình thấp của thung lũng Quản Bạ nổi lên một số chòm núi đá vôi, mà kỳ diệu nhất trong số đó chính là một kiệt tác của thiên nhiên mang tên “Núi Đồi Cô Tiên” (Hình 1) nổi tiếng đã tạo cho thung lũng Quản Bạ một cảnh quan độc nhất vô nhị hết sức hấp dẫn, một “Tòa Thiên nhiên” giữa lòng thung lũng mang đầy huyền thoại, thu hút du khách gần xa đến chiêm ngưỡng. Thiên nhiên đã hào phóng chế tác và ban tặng cho người dân nơi đây một kiệt tác vô cùng quý giá. Núi Đồi Cô Tiên là một dạng địa hình đá vôi hiếm gặp vì có cơ chế thành tạo rất độc đáo. Thông thường, địa hình đá vôi thường lõm chòm, gồ ghề do quá trình karst hóa, nhưng hình dáng của Núi Đồi Cô Tiên lại tròn trịa theo dạng bát úp giống như địa hình ở các vùng đá lục nguyên. Nguyên nhân thành tạo dạng địa hình đá vôi độc đáo này là do sự bào mòn đều đặn, đẳng hướng các thành tạo dăm kết vôi chứa dolomit ở thung lũng đứt gãy Quản Bạ.

Trong con mắt của người dân địa phương, vẻ đẹp kỳ diệu của Núi Đồi Cô Tiên đã là nguồn cảm hứng để cổ nhân tạo dựng nên những truyền thuyết vô cùng lãng mạn, đẹp như mơ và đậm tính nhân văn. Một trong những truyền thuyết đó kể rằng: Ngày xưa ngày xưa, có một nàng tiên xinh đẹp tên là Hoa Đào đã trốn xuống hạ giới kết hôn với một chàng trai H'Mông tài giỏi có tiếng đàn môi lúc réo rất như tiếng suối chảy, lúc riu rít như tiếng chim rừng, lúc lại trầm bổng thiết tha như tiếng gió ngàn thổi giữa đêm khuya, v.v. Nàng tiên Hoa Đào và chàng trai H'Mông đã chung sống với nhau rất hạnh phúc và sinh được một bé trai khôi ngô tuấn tú. Khi phát hiện ra sự việc, Ngọc Hoàng đã vô cùng giận dữ, sai người xuống bắt Hoa Đào về thượng giới để trị tội. Vì yêu chồng, thương con, Hoa Đào đã khóc lóc van xin Ngọc Hoàng cho phép được ở lại hạ giới, nhưng không được. Cuối cùng, nàng đành quay về trời và để đôi nhũ hoa của mình ở lại hạ giới cho đứa con thơ [1]. Đôi nhũ hoa của nàng tiên luôn đầy căng sữa mẹ, nuôi đứa con của nàng ngày một lớn khôn và đó chính là hai trái núi tròn trịa, cân đối, căng tràn sức sống mà ngày nay du khách còn được thưởng ngoạn. Dòng nước mắt nhớ chồng, thương con của nàng tiên đã biến thành dòng sông Miện xanh ngắt, ôm trọn mảnh đất phía sau Cổng Trời Quản Bạ huyền thoại. Cũng chính nhờ “dòng sữa tiên” mà đất đai ở đây thật là phì nhiêu, nguồn nước phong phú, khí hậu vô cùng mát mẻ, cỏ cây, hoa lá thơm ngon kỳ lạ, xanh tốt quanh năm.

Không biết tự bao giờ người dân nơi đây đã gọi cặp núi độc đáo này là Núi Đồi Cô Tiên. Dưới chân cặp núi này là cánh đồng lúa Núi Đồi Quản Bạ. Suốt bốn mùa, cảnh quan nơi đây thay đổi màu sắc giống hệt Cô Tiên thay áo: áo xanh - đó là lúc cánh đồng lúa đang vào thì con gái; mùa lúa chín - cô khoác lên mình chiếc hoàng bào lộng lẫy; vào vụ cày ải - cô lại mặc bộ nâu sồng để bắt tay vào mùa lúa mới v.v.,

nhưng cặp nhũ hoa thì lúc nào cũng căng tràn sự sống. Cảnh quan khu vực Núi Đồi do vậy lúc nào cũng hút hồn du khách gần xa [17].

## 2. Mặt cắt Ma Lé - Lũng Cú và Cột cờ Lũng Cú ở Đồng Văn

Cột cờ Lũng Cú ở xã Lũng Cú, huyện Đồng Văn - mảnh đất cực bắc của Tổ quốc là địa danh từ lâu đã đi vào tâm khảm của mỗi người dân Việt. Đây cũng là một trong những quần thể di sản tiêu biểu của cao nguyên đá, với những giá trị DSDC rất đa dạng như: di sản cấu trúc kiến tạo, địa mạo, cổ sinh - địa tầng và các giá trị khác như khảo cổ, lịch sử và văn hóa xã hội.

Từ góc độ địa chất học, thực chất vùng Lũng Cú là một nếp lồi lớn với hai cánh cắm đơn nghiêng về phía ĐB và TN, bị phá hủy bởi đứt gãy dọc trục phương TB-ĐN, tạo nên Lũng Cú. Đỉnh núi Rồng - nơi đặt Cột cờ Lũng Cú cấu tạo bởi đá vôi hệ tầng Chang Pung ( $\epsilon_{2-3} cp$ ) [3, 6, 7] có tuổi trên 500 triệu năm và được coi là loại đá cổ nhất lộ ra trên Cao nguyên đá Đồng Văn. Trên đường lên Cột cờ Lũng Cú, ngay trên bề mặt của đá vôi này, di tích hóa thạch phần đuôi của Bọ ba thùy trông hết một chiếc vương miện lộ ra rất đẹp là bằng chứng về khoảng tuổi trên 500 triệu năm của đá vôi Núi Rồng (Hình 6). Đây cũng chính là bằng chứng sinh động cho thấy từ xa xưa nơi đây đã từng là biển cả, để rồi trải qua những quá trình địa chất lâu dài và phức tạp mà được nâng lên, tạo thành núi cao như ngày nay. Từ Cột cờ Lũng Cú đi xuống, ở ngay bên trái đường có thể quan sát thấy mặt trượt của đứt gãy phương TB-ĐN hoạt động trong lịch sử địa chất nhiều triệu năm trước nhưng vẫn còn để lại dấu ấn mà giờ đây du khách có thể tận mắt nhìn thấy.

Từ đỉnh Núi Rồng, dưới chân Cột cờ Lũng Cú, có thể quan sát thấy địa hình đơn nghiêng của đá vôi hệ tầng Chang Pung. Về phía ĐB và TN của Cột cờ Lũng Cú là 2 hồ nước như “đôi mắt rồng” mà thực chất là 2 phần karst cổ hiện đã ngừng hoạt động và được bịt kín bởi sét - sản phẩm phong hóa của đá vôi. Tên gọi “Núi Rồng” có lẽ do sự liên tưởng về “đôi mắt rồng” và thể núi theo hình đầu rồng mà ra.

Vùng Ma Lé - Lũng Cú còn là nơi các nhà địa chất đã phát hiện ra ranh giới bất chỉnh hợp giữa hai hệ tầng Lutxia ( $O_1 lx$ ) và Si Ka ( $D_1 sk$ ) [4, 18], minh chứng cho một giai đoạn ngưng nghỉ trầm tích và trôi dạt lục địa kéo dài gần 30 triệu năm. Đây cũng là nơi các hóa thạch Cá cổ và Thực vật thủy sinh tuổi Devon lần đầu tiên đã được J. Deprat đề cập từ năm 1915 [3]. Trong lịch sử tiến hóa địa chất, Devon được coi là thời kỳ phát triển rực rỡ của các nhóm Cá cổ và Thực vật thủy sinh - thủy tổ của các loài thực vật sống trên cạn. Mặt cắt Ma Lé - Lũng Cú là nơi các nhóm hóa thạch này được phát hiện sớm nhất ở Việt Nam, bao gồm: *Asterolepis*, *Homosteus*; *Bytrotrephis* aff. *antiquata* [3]. Năm 1995, Janvier và Tạ Hòa Phương đã tìm thấy các hóa thạch loại này trong những lớp đá phiến sét, bột kết của hệ tầng Si Ka ( $D_1 sk$ ) có tuổi đã được xác định cách ngày nay khoảng 400 triệu năm, tại tọa độ  $23^{\circ}21'07''$  B;  $105^{\circ}17'36''$  Đ, trên vách đường ô tô từ Đồng Văn đi Lũng Cú. Tại điểm lộ này, bên cạnh một giếng mới được xác lập là *Tongdzuylepis* còn phát hiện được rất nhiều hóa thạch Tay cuộn, Chân bụng, Vỏ cứng..., cho phép xác định môi trường thành tạo các trầm tích chứa chúng là biển ven bờ có yếu tố lục địa.

Một điểm di sản cổ sinh có giá trị khác cũng được phát hiện trên vách đường ô tô từ Đồng Văn đi Lũng Cú, tọa độ  $23^{\circ}18'56''$  B;  $105^{\circ}17'46''$  Đ thuộc mặt cắt Lũng Cú - Ma Lé. Tại đây, rất phong phú các hóa thạch Tay cuộn, Hai mảnh vỏ và Cá cổ [18], đến mức được coi là Nghĩa địa Tay cuộn (Hình 5). Đặc biệt, đây cũng là nơi đã tìm được phức hệ hóa thạch Tay cuộn đặc trưng *Euryspirifer tonkinensis* (Hình 7), rất có ý nghĩa định tuổi và đối sánh địa tầng. Những phát hiện về cổ sinh ở đây cho phép xác định môi trường thành tạo các trầm tích chứa chúng là biển nông ven bờ. Hóa thạch Tay cuộn *Euryspirifer tonkinensis* đã được lựa chọn như là một chi tiết rất quan trọng của Logo CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn [16], vừa tượng trưng cho giá trị di sản cổ sinh nhưng lại khiến ta liên tưởng đến chiếc ô hay chiếc váy truyền thống của đồng bào các dân tộc trên Cao nguyên đá.

Vùng Ma Lé - Lũng Cú còn chứa đựng những giá trị di sản địa mạo rất phong phú và điển hình cho Cao nguyên đá Đồng Văn: đó chính là địa hình *cuesta* hùng vĩ ở quanh Cột cờ Lũng Cú (Hình 8), *cuesta* và địa hình khe hẻm đứt gãy ở Ma Lé, ranh giới kiến tạo giữa đá vôi hệ tầng Bắc Sơn (C-P *bs*) và các trầm tích lục nguyên hệ tầng Sông Hiến (T<sub>1</sub> *sh*) (Hình 10) v.v. Ngoài ra, nơi đây cũng đã phát hiện nhiều hang động rất có giá trị du lịch, cung cấp nước hoặc sản xuất điện như các hang Tia Sáng, Ma Lé 1 và Ma Lé 2 (Hình 10) v.v.

Ngoài những giá trị DSĐC vừa nêu, Lũng Cú còn là mảnh đất chứa đựng nhiều giá trị đặc sắc khác về khảo cổ, lịch sử cũng như những giá trị văn hóa truyền thống đặc trưng của đồng bào các dân tộc Mông và Lô Lô. Lũng Cú - “Long Cư” - nơi Rồng ở, cùng một loạt địa danh khác như Núi Rồng, Đồi Mất Rồng v.v.. Ngay dưới chân Núi Rồng còn có một cái hang mà du khách tới đây lúc nào cũng có thể nghe kể về một truyền thuyết rất ly kỳ gắn liền với nó [14].

Thung lũng dưới chân Cột cờ Lũng Cú là nơi cư trú của 2 bản người Mông và người Lô Lô với những nét đặc trưng riêng về văn hóa truyền thống. Trống đồng của đồng bào Lô Lô ở đây thể hiện nét đa dạng trong sự thống nhất của nền văn hóa Đông Sơn của người Việt cổ phát triển trên đất Hà Giang. Người dân nơi đây còn rất tự hào rằng, họ là những người duy nhất cho đến nay vẫn còn sử dụng cặp trống đồng - một đực, một cái - trong các sinh hoạt văn hóa làng bản của mình.

Lũng Cú cũng thật xứng danh là mảnh đất địa linh nhân kiệt. Trong suốt chiều dài lịch sử đấu tranh dựng nước và giữ nước, đồng bào các dân tộc ở miền biên cương xa xôi này đã không tiếc máu xương để gìn giữ từng tấc đất thiêng liêng của Tổ quốc. Chính tại đây, sau khi đi chinh phạt biên thùy, lần đầu tiên danh tướng Lý Thường Kiệt đã cho cắm lá cờ khẳng định chủ quyền dân tộc và truyền thống đó ngày nay đang được đồng bào các dân tộc nơi đây cùng các lực lượng biên phòng tiếp tục hun đúc. Đến với Lũng Cú, từ xa hàng chục km du khách đã có thể nhìn thấy lá cờ đỏ sao vàng đang ngày đêm phấp phật tung bay trên đỉnh Núi Rồng (Hình 9). Lá cờ rộng 54 m<sup>2</sup>, tượng trưng cho 54 dân tộc anh em cùng chung sống hòa bình trên mảnh đất Việt Nam, là biểu tượng thiêng liêng về chủ quyền đất nước ở điểm cực bắc của Tổ quốc, đồng thời cũng là niềm tin, sức mạnh của đồng bào các dân tộc Hà Giang đã ngàn đời gắn bó với non nước Việt.

### 3. Hẻm vực Tu Sản trên sông Nho Quế và đèo Mã Pi Lèng

Đèo Mã Pi Lèng thuộc địa phận xã Pải Lũng, huyện Mèo Vạc, nằm trên quốc lộ 4C nối 2 huyện Đồng Văn và Mèo Vạc. Đây là một trong những vùng phong phú bậc nhất các DSĐC “tiêu biểu” của Cao nguyên đá. Sông Nho Quế tại đây đặt lòng theo đứt gãy phương TB-ĐN, hình thành vào Kainozoi (cách ngày nay khoảng 32 triệu năm đến 15 triệu năm) theo cơ chế trượt bằng trái. Cách đây khoảng 5 triệu năm, đứt gãy hoạt động theo cơ chế trượt bằng phải và đã tạo nên hẻm vực Tu Sản hiện nay. Hẻm vực sâu 700-800 m; dài 1,7 km; vách dốc 70-90<sup>0</sup> (Hình 11), là danh thắng thuộc loại kỳ vĩ nhất trên Cao nguyên đá, được coi là hẻm vực sâu nhất Việt Nam và có thể là sâu nhất Đông Nam Á. Di sản kiến tạo - địa mạo này được mệnh danh là “Đệ nhất hùng quan” và đã được các nhà khoa học xếp vào di sản cấp quốc tế. Vùng đèo Mã Pi Lèng cấu tạo bởi đá vôi silic hệ tầng Si Phai (D<sub>1-3</sub> *sp*), bị phủ trên bởi đá vôi hệ tầng Bắc Sơn (C-P *bs*) và thuộc cánh TN của đứt gãy Sông Nho Quế [7]. Tại đây, có thể quan sát thấy dấu vết các bậc địa hình thành tạo do đứt gãy cũng như các bậc thềm sông khá bằng phẳng ở các mức độ cao khác nhau, phân bố dọc hai bên bờ sông, các bề mặt sườn xâm thực - bóc mòn hùng vĩ, di tích đáy cổ của thung lũng Mèo Vạc và những mặt trượt của đứt gãy sông Nho Quế phương TB-ĐN cắt qua đá vôi hệ tầng Bắc Sơn ở phần trên. Theo độ cao địa hình, thành phần và tuổi của đất đá, có thể thấy rằng địa hình cánh phía TN sông Nho Quế đã được nâng lên so với cánh ĐB. Sản phẩm của ép nén tạo núi vào chu kỳ kiến tạo Caledoni muộn (cách đây khoảng 350 triệu năm) đã tạo nên những nếp uốn quy mô khá lớn trong đá vôi silic hệ tầng Si Phai (D<sub>1-3</sub> *sp*) ở ngay vách dương của đường (Hình 12).

Cũng trên vách đường ở vùng này còn quan sát thấy những nếp gợn sóng trên bề mặt lớp của đá vôi silic nhìn giống như dấu vết của những nếp sóng biển đã hóa thạch (ripple marks). Nhưng thực ra thì chúng được hình thành do ép nén kiến tạo. Cũng tại vùng đèo Mã Pì Lèng, một số nhà khoa học còn cho rằng có thể tìm thấy ranh giới Fr/F trong đá vôi thuộc hệ tầng Si Phai và nếu quả đúng như vậy thì đó sẽ lại là một DSDC tầm cỡ quốc tế nữa. Vùng đèo Mã Pì Lèng còn có một chóp núi đá vôi rất độc đáo là tháp Kim Pải Lũng, một biểu hiện điển hình của quá trình trẻ hóa địa hình karst v.v..

Tuy nhiên, kể cả khi các DSDC chưa được phát hiện ở vùng đèo Mã Pì Lèng thì đây cũng đã là một trong những địa danh nổi tiếng nhất trên Cao nguyên đá Đồng Văn. Là nơi cư trú của 7 dân tộc anh em, trong đó 96% dân số là đồng bào Mông sống rải rác trên những triền núi cao, nhưng từ năm 1959 trở về trước chưa hề có con đường nối giữa thị trấn huyện lỵ các huyện Đồng Văn và Mèo Vạc mà thay vào đó là những vách đá dựng đứng, cheo leo trông xuống hẻm vực sông Nho Quế thăm thẳm phía dưới. Cái tên "Mã Pì Lèng" với nghĩa hình tượng "sóng mũi ngựa" đã nói lên sự chông chênh đó. Thậm chí một cách giải thích khác còn ấn tượng hơn, khi cho rằng "Mã Pì Lèng" nguyên gốc tiếng H'Mông là "Máu Pí Lèng", mô tả cảm giác ... của con chuột khi nằm trong nanh vuốt của con mèo!

Ngày nay, đỉnh Mã Pì Lèng cũng là đỉnh của Con đường Hạnh phúc mà hàng vạn đồng bào 16 dân tộc các tỉnh Cao-Bắc-Lạng, Thái-Tuyên-Hà, Hải-Hung và Nam Định đã đổ biết bao mồ hôi và xương máu trong suốt 5 năm liền (từ 10/9/1959 đến 15/6/1965) để làm nên. Chỉ riêng đoạn qua đèo Mã Pì Lèng hơn 1.000 thanh niên xung phong đã phải treo mình trên vách đá trong suốt 11 tháng ròng, thậm chí phải thành lập cả đội cảm tử, để phá đá mở đường. Đây cũng là một kỳ tích về sức mạnh đoàn kết của đồng bào các dân tộc anh em trên Cao nguyên đá, một kỳ tích đã được khắc vào bia đá để du khách đến tham quan đèo Mã Pì Lèng giờ đây có thể hồi tưởng một cách trân trọng.

#### 4. Vùng Khau Vai - Lũng Pù

Khu vực Khau Vai - Lũng Pù, huyện Mèo Vạc cũng là một trong số những khu vực tích hợp phong phú các loại hình DSDC của Cao nguyên đá. Tại đây, đứt gãy Phó Bảng - Khau Vai kéo dài theo phương TB-ĐN tạo nên ranh giới giữa chủ yếu là đá vôi ở phía ĐB và các thành tạo lục nguyên xen phun trào ở phía TN. Đứt gãy được hình thành trong giai đoạn tạo rũng Sông Hiến vào cuối Paleozoi. Vào Tân kiến tạo, đứt gãy thể hiện trượt bằng phải, đối phá hủy đứt gãy tạo ra một thung lũng cùng phương được thể hiện khá rõ trên ảnh vệ tinh.

Về địa mạo, vùng Khau Vai - Lũng Pù nằm trên bề mặt san bằng 1.000-1.300 m với cảnh quan hoang mạc đá điển hình, các khối karst dạng vòm, các nón rời kiểu fenglin và karst dạng dãy hướng TB-ĐN và ĐB-TN. Xen kẽ giữa chúng là các thung lũng thoải và hồ sụt karst. Đây là những địa hình karst ở giai đoạn phát triển cuối cùng được bảo tồn từ thời kỳ Pliocen giữa (cách đây khoảng 2,5 đến 3,6 triệu năm) tới nay. Ngoài ra, tại vùng này còn có thể quan sát bề mặt san bằng 1.500-1.700 m với cảnh quan hoang mạc đá trên vùng phân thủy cũng được bảo tồn từ thời kỳ Pliocen sớm (cách đây khoảng trên 3,6 triệu năm) [6].

Về cổ sinh, ngay tại ngã ba Lũng Pù, trong đá vôi hệ tầng Bắc Sơn (C-P<sub>bs</sub>) đã phát hiện được một tập hợp hóa thạch phong phú gồm Huệ biển (Crinoidea), Cúc đá (Ammonoidea), San hô gờ rập (Rugosa) và Trùng thoi (Fusulinida) .

Ngoài ra, vùng Lũng Pù còn là nơi có mặt khoáng sản bauxit nằm trực tiếp trên bề mặt bào mòn của đá vôi hệ tầng Bắc Sơn.

Vùng Khau Vai - Lũng Pù gồm chủ yếu là đồng bào dân tộc Mông với những nét văn hóa truyền thống rất độc đáo. Chợ Khau Vai và chợ Lũng Pù là những phiên chợ đặc trưng cho vùng cao nguyên đá vì đây vừa là nơi mua bán trao đổi các sản vật địa phương, vừa là nơi sinh hoạt văn hóa của đồng bào

Mông. Ngoài những phiên chợ thông thường, cứ vào ngày 27/3 âm lịch hàng năm, tại Khau Vai lại có một phiên chợ rất đặc biệt: **Chợ tình Khau Vai**. “*Đợi anh hết mùa lạnh, đợi anh qua mùa đào... Vượt đỉnh Mã Pì Lèng, ta tìm đến chợ tình Khau Vai...*”. Khác với những chợ phiên thông thường, Chợ tình Khau Vai liên quan đến một câu chuyện tình bi tráng. Truyền thuyết kể rằng: Ngày xưa, ở Khau Vai có một chàng trai Mông và một cô gái Giáy yêu nhau say đắm, nhưng lại không được sự đồng ý của hai bộ tộc. Người con gái rất xinh đẹp nên bộ tộc của cô không muốn để cô lấy chồng bộ tộc khác; ngược lại, bộ tộc của chàng trai lại muốn cô về làm dâu bộ tộc mình, vì thế đã nảy sinh hiềm khích giữa hai bộ tộc. Tình yêu đôi lứa càng thắm thiết thì mối thù giữa hai bộ tộc lại càng lớn. Một hôm, khi đang ngồi tâm sự bên nhau trên núi Khau Vai, đôi trai gái bỗng nhìn thấy cảnh tượng hai bộ tộc đang đánh nhau rất quyết liệt ở phía dưới. Họ đau đớn nhận ra rằng chính tình yêu của họ là nguyên nhân của cuộc chiến. Để máu của hai bộ tộc ngừng chảy, hai người quyết định chia tay và hẹn sẽ chỉ gặp nhau mỗi năm một lần đúng vào ngày họ chia tay: ngày 27/3 âm lịch hàng năm tại chính nơi họ vẫn thường hò hẹn - Khau Vai [1].



Hình 1. Núi Đồi Cô Tiên ở ngay sau Cổng Trời Quản Bạ - một trong những điểm dừng chân đầu tiên khi tới thăm Cao nguyên đá Đồng Văn.



Hình 2. Logo CVĐC: sự kết hợp hài hòa các giá trị di sản của khu vực.





Hình 3 (trên). Biểu hiện của hoạt động đứt gãy mãnh liệt dọc thung lũng Quán Bạ: vi uốn nếp dựng đứng ở ngay vệ đường ô tô dưới chân chòi quan sát; Hình 4 (phải). Mặt trượt đứt gãy láng bóng Quán Bạ trong đá vôi bị dập vỡ mạnh ở ngay cạnh đường ô tô, gần Núi Đồi Cô Tiên.



Hình 5. Nghĩa địa Tay cuộn trong đá lục nguyên hệ tầng Mia Lé, trên đường ô tô Đồng Văn - Lũng Cú.



Hình 6. Đuôi hóa thạch Bọ ba thù lộ ra trên mặt đá vôi hệ tầng Chang Pung, cạnh bậc đá dẫn lên Cột cờ Lũng Cú.



Hình 7. Hóa thạch Tay cuộn đặc trưng *Eurispirifer tonkinensis* (Mansuy) trong đá lục nguyên hệ tầng Mia Lé ở Lũng Cú.



Hình 8. Cảnh quan địa hình cuesta điển hình trên đá vôi hệ tầng Chang Pung ở Lũng Cú.



Hình 9. Cột cờ Lũng Cú - biểu tượng thiêng liêng của chủ quyền dân tộc ở miền cực Bắc Tổ quốc.



Hình 10. Ranh giới kiến tạo giữa đá vôi hệ tầng Bắc Sơn và đá lục nguyên hệ tầng Sông Hiến ở Ma Lé. Phía chân khối đá vôi bên trái là hang Tia Sáng - một di sản đặc trưng của Cao nguyên đá Đồng Văn.



Hình 11. Hẻm vực Mã Pì Lèng, di sản kiến tạo - địa mạo đặc sắc nhất của Cao nguyên đá Đồng Văn.



Hình 12. Di sản kiến tạo: nếp uốn trong đá vôi silic hệ tầng Si Phai ( $D_{1-3sp}$ ) ở đèo Mã Pì Lèng.



Hình 13. Dinh thự họ Vương ở thung lũng Sà Phìn.



Hình 14. Một ngôi nhà kiến trúc cổ ở phố cổ Đồng Văn.

Dần dà, cứ vào ngày đó hàng năm, Khau Vai đã trở thành nơi hò hẹn cho tất cả những mối tình dang dở và được gọi là “*Khử Phong Lữ*” - “*Chợ Phong Lưu*” - Chợ tình Khau Vai. Mặc dù tình yêu giữa các cặp vợ chồng người Mông nổi tiếng là thủy chung và hạnh phúc, nhưng hàng năm, cứ vào ngày chợ tình Khau Vai họp thì mỗi người đều được phép trở về gặp lại người yêu cũ, trở về với kỷ niệm xưa. Chợ tình Khau Vai giờ đây đã trở thành chợ tình chung của thanh niên nam nữ các dân tộc ở khu vực Khau Vai và cả những vùng lân cận đến để gặp gỡ, làm quen, kết bạn, rồi nên vợ nên chồng. Chợ tình Khau Vai là một di sản văn hóa độc đáo của đồng bào các dân tộc Hà Giang, rất hấp dẫn khách du lịch trong và ngoài nước và là một điểm nhấn của Cao nguyên đá ở vùng Khau Vai - Lũng Pù.

### 5. Vùng Sà Phìn - Lũng Táo

Hai xã Sà Phìn và Lũng Táo, huyện Đồng Văn cũng là một nơi tập trung di sản rất giá trị của Cao nguyên đá Đồng Văn. Nằm trong một hố sụt karst lớn của đá vôi hệ tầng Bắc Sơn (C-P *bs*), tại vị trí giao cắt của các đứt gãy phương TB-ĐN và ĐB-TN trong giai đoạn Kainozoi (cách ngày nay khoảng sau 32 triệu năm), thung lũng Sà Phìn chứa phong phú các DSĐC như tiếp xúc kiến tạo giữa các đá lục nguyên hệ tầng Sông Hiến và đá vôi hệ tầng Bắc Sơn qua đứt gãy Lũng Táo - Tu Sản; các rừng đá, hoang mạc đá, các bề mặt san bằng, những khối karst dạng chóp với các thể hệ ”mẹ-con” trên bề mặt san bằng 1.300-1.500 m, các chỏm đá vôi dạng kim tự tháp hoặc nón lệch, các hang động karst: Xà Phìn I, II, III; các hóa thạch rất phong phú trong đá vôi hệ tầng Bắc Sơn (C-P *bs*) v.v.

Thung lũng Sà Phìn lại được ví như một viên ngọc xanh giữa lòng Cao nguyên đá. Giữa một vùng hoang mạc đá vốn khô cằn bỗng nổi lên một kiệt tác kiến trúc: Dinh thự họ Vương (Hình 13) của Vua Mèo Vương Chính Đức và sau này truyền lại cho con trai là Vương Chí Sình. Họ Vương là dòng họ giàu có và quyền uy nhất trong lịch sử dân tộc Mông ở huyện Đồng Văn và trong vùng vào đầu thế kỷ XX. Dinh thự này là nơi lưu giữ những bằng chứng về chế độ thổ ty phong kiến miền núi nói chung và điển hình của dân tộc Mông ở huyện Đồng Văn, Hà Giang nói riêng. Quy mô của dinh thự này tuy không lớn, nhưng đây là một công trình kiến trúc đẹp hiếm có và rất độc đáo trên Cao nguyên đá.

Kiến trúc của Dinh thự Nhà Vương mang phong cách cung đình Trung Hoa, nhưng lại được kết hợp hài hòa và đúng theo luật phong thủy giữa một thung lũng trên Cao nguyên đá Đồng Văn của đất Việt. Ông thầy địa lý người Tàu đã đi khắp nơi ở Đồng Văn và cuối cùng đã chọn xây dinh thự cho Vua Mèo trên một gò đất hình mai rùa, dựa lưng vào một thể núi vững chãi hình vòng cung và phía trước là 2 trái núi tượng trưng cho quyền lực và sự giàu sang. Dinh thự được xây trong 8 năm bởi những thợ đá Vân Nam và những tốp thợ giỏi nhất người Mông. Kiến trúc độc đáo phía trong, vị trí đắc địa và cảnh quan

tổng thể hài hòa ở phía ngoài đã làm cho Dinh thự Nhà Vương toát lên một vẻ đẹp uy nghiêm cổ kính và đã trở thành một địa điểm tham quan hấp dẫn của du khách mỗi khi đến với Cao nguyên đá. Dinh thự họ Vương đã được Bộ Văn hoá xếp hạng di tích kiến trúc nghệ thuật từ năm 1993 và trong 2 năm 2004-2005 đã được Nhà nước trùng tu nguyên dạng thành “Khu di tích văn hóa nghệ thuật lịch sử Nhà Vương”. Cùng với Dinh thự họ Vương, chợ phiên Sà Phìn với những nét sinh hoạt văn hóa văn nghệ và trò chơi dân gian độc đáo là một trong những phiên chợ hầu như còn giữ nguyên bản sắc của đồng bào Mông ở khu vực này [1, 16].

## 6. Khu phố cổ thị trấn Đồng Văn

Thị trấn Đồng Văn nằm trong một thung lũng đứt gãy hình thành từ Pliocen (cách đây khoảng 5 triệu năm) và cũng là một trong những nơi tập trung DSDC rất cao, được bảo tồn khá tốt của Cao nguyên đá. Trong số đó có thể kể đến: các nếp uốn trong đá sét vôi-silic hệ tầng Tóc Tát ( $D_3 tt$ ), hệ thống mặt trượt của đứt gãy Lũng Táo - Tu Sản phương TB-ĐN cắt qua đá vôi hệ tầng Bắc Sơn ( $C-P bs$ ) và các đá lục nguyên hệ tầng Sông Hiến ( $T_1 sh$ ) ở phía tây thị trấn. Di sản địa mạo nổi bật nhất ở vùng này là địa hình cuesta dạng chòm nghịch trông giống như một đàn cóc đang chòm về phía bắc thị trấn Đồng Văn. Ngoài ra, những cảnh quan cuesta, hoang mạc đá, rừng đá, các hố sụt karst v.v. cũng là những di sản địa mạo độc đáo rất phổ biến ở khu vực này. Khu vực thị trấn Đồng Văn còn rất phong phú các di sản cổ sinh - địa tầng. Tại đây đã phát hiện được ranh giới giữa 2 bậc Frasn/Famen ở đèo Si Phai với sự biến mất hàng loạt của các nhóm hóa thạch lớn như Tay cuộn, San hô, Hai mảnh vỏ, Lỗ tầng .... Ranh giới này đánh dấu một trong 5 sự kiện hủy diệt hàng loạt của thế giới sinh vật vào Devon muộn. Tại tọa độ  $105^{\circ}22'56''$  Đ;  $23^{\circ}16'40''$  B trên đèo Si Phai cũng đã phát hiện được ranh giới không chỉnh hợp của hệ tầng Bắc Sơn trên hệ tầng Lũng Nậm - cũng là mốc quan trọng trong lịch sử phát triển địa chất khu vực. Một di sản cổ sinh có giá trị nữa ở vùng này là đá vôi Trùng thoi của hệ tầng Bắc Sơn ( $C-P bs$ ) ở phía bắc Chợ cổ Đồng Văn, có triển vọng trở thành một điểm nhấn rất thú vị cho lộ trình du lịch địa chất ở vùng này. Ngoài ra, một kiểu di sản đá rất đặc biệt là đá vôi vân đỏ cũng được phát hiện ở đèo Si Phai.

Ngoài những DSDC vừa nêu, thị trấn Đồng Văn còn nổi tiếng với những giá trị di sản khác như: Phố cổ Đồng Văn, chợ phiên Đồng Văn v.v., bổ sung một cách hoàn chỉnh cho khu di sản này.

Phố cổ Đồng Văn (Hình 14) nằm ở trung tâm huyện lỵ Đồng Văn, được xây dựng vào những năm đầu thế kỷ XX. Ban đầu, khu phố chủ yếu gồm người Tày và người Hoa sinh sống. Vào những năm 40, 50 của thế kỷ XX, có thêm người Kinh, người Dao, người Nùng đến cư ngụ. Phố cổ Đồng Văn tuy tuổi không cổ và quy mô không lớn như phố cổ Hà Nội, phố cổ Hội An, làng cổ Đường Lâm v.v., nhưng nó mang những bản sắc độc đáo của cư dân vùng cao nguyên đá thuộc miền biên cương xa xôi của Tổ quốc duy nhất còn tồn tại ở Việt Nam. Hiện nay, Phố cổ Đồng Văn còn khoảng trên dưới 40 ngôi nhà cổ, trong đó cổ nhất là ngôi nhà của dòng họ Lương được xây dựng từ năm 1890. Nhìn tổng thể, phố cổ Đồng Văn có sự kết hợp giữa phong cách kiến trúc của cư dân bản địa và cư dân vùng Hoa Nam Trung Quốc còn tồn tại đến ngày nay và rất ít gặp ở nước ta. Từ tháng 4/2006, UBND huyện Đồng Văn đã quyết định tổ chức mỗi tháng 3 “Đêm hội phố cổ” vào các ngày 14, 15 và 16 âm lịch nhằm tôn vinh các giá trị nhân văn của vùng này. Phố cổ Đồng Văn từ lâu đã là một điểm đến thú vị của du lịch ở điểm cực bắc nước ta, nơi còn lưu giữ được những phong tục, tập quán lâu đời và các giá trị văn hóa phi vật thể độc đáo của đồng bào các dân tộc [17]. Năm 2010, Phố cổ Đồng Văn đã được xếp hạng là di tích kiến trúc nghệ thuật cấp quốc gia. Giờ đây, việc khám phá ra những giá trị DSDC cùng với việc thành lập CVĐC trên Cao nguyên đá tạo ra một cơ hội mới để phát huy các thế mạnh vốn có của vùng di sản đa dạng này.

Sự kết hợp hài hòa giữa các giá trị di sản của Cao nguyên đá đã được các nhà khoa học Viện KHĐC&KS với sự hỗ trợ của các họa sĩ Trung tâm Thi công Kiến trúc Mỹ thuật, Viện Kiến trúc và Quy hoạch Đô thị và Nông thôn, Bộ Xây dựng thể hiện trong Logo CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn và đã được Ban tổ chức cuộc thi sáng tác logo do tỉnh Hà Giang tổ chức năm 2009 chọn làm logo chính thức của CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn (Hình 2).

## V. KẾT LUẬN

Trước khi các nhà địa chất đặt những bước chân đầu tiên đến Cao nguyên đá Đồng Văn để phát hiện, luận giải, đánh giá và xếp hạng các DSĐC của vùng theo những tiêu chí khoa học, thì ở đây đã từng tồn tại một kho tàng “kiến thức bản địa” vô cùng phong phú và đặc sắc của cộng đồng (17) các dân tộc địa phương. Tuy không hề có một khái niệm gì về cái gọi là “DSĐC”, nhưng cư dân địa phương đã cảm nhận được mà không cần bất cứ một lý giải khoa học nào về những “linh khí” của trời đất theo cách rất riêng của mình, để quần cư tại những khu vực tập trung DSĐC, sinh tồn cùng với chúng, đồng thời qua thực tiễn cuộc sống họ lại sáng tạo ra những giá trị di sản nhân văn đáng quý khác. Kỳ lạ thay, sự có mặt của họ lại không hề làm xâm hại đến Tự nhiên theo cách mà “nhân loại văn minh” hiện nay đang làm, mà ngược lại, còn góp phần tích cực vào việc gìn giữ các giá trị di sản tự nhiên. Những “kiến thức khoa học - hậu sinh” luôn tỏ ra đúng đắn, rõ ràng, nhưng luôn khô khan và khó tiếp nhận. Trong khi đó, “kiến thức bản địa - tiền bối” đã trường tồn từ bao đời nay luôn mang trong mình nét lung linh, huyền bí, làm say đắm lòng người. Để xây dựng thành công CVĐC Cao nguyên đá Đồng Văn, chúng ta đã có và sẽ cần đến cả hai loại “kiến thức”: Dùng “kiến thức khoa học” để giải mã “kiến thức bản địa” và ngược lại, thông qua “kiến thức bản địa” để truyền tải “kiến thức khoa học” tới cộng đồng và tới từng du khách. Đó chính là cách làm duy nhất đúng để bảo tồn và phát huy giá trị tổng thể các loại hình di sản, xây dựng thành công Công viên Địa chất Toàn cầu trên Cao nguyên đá Đồng Văn.

## VĂN LIỆU

- 1. Chi hội văn hóa di sản Hà Giang, Sở VHTT&DL Hà Giang, 2009.** Di sản văn hóa Hà Giang. Hà Giang.
- 2. Cục Địa chất và Khoáng sản Việt nam, 2005.** Báo cáo tài nguyên khoáng sản tỉnh Hà Giang. *Lưu trữ Địa chất, Hà Nội.*
- 3. Deprat J., 1915.** Études géologiques sur la région septentrionale du Haut Tonkin. *C.R. Acad. Sci. France, 161/25, Paris.*
- 4. Đặng Trần Huyền (Chủ biên), 2007.** Địa tầng Phanerozoi Bắc Việt Nam. *Lưu trữ ĐC, Hà Nội.*
- 5. Đovjikov A.E. (Chủ biên), 1965.** Địa chất miền Bắc Việt Nam. *Tổng cục ĐC, Hà Nội.*
- 6. Hoàng Đình Minh (Chủ biên), 1977.** Bản đồ địa mạo từ Bảo Lạc, tỷ lệ 1:200.000. *Lưu trữ Địa chất, Hà. Nội.*
- 7. Hoàng Xuân Tình (Chủ biên), 2001.** Địa chất và khoáng sản từ Bảo Lạc (kèm theo Bản đồ ĐC&KS từ Bảo Lạc tỷ lệ 1:200.000). *Lưu trữ Địa chất, Hà. Nội.*
- 8. Mansuy H., 1915.** Faunes cambriens du Haut Tonkin. *Mém. Serv. Géol. Indoch., IV/2, 35 p., Hanoi.*
- 9. Masschelein J., Coessens V., Lagrou D., Duser M., Tran Tan Van (Eds.), 2007.** North Vietnam 1993-2006 Belgian-Vietnamese speleological projects in the provinces of Bac Kan, Ha Giang, Hoa Binh, Lai Chau and Son La. *Berliner Höhlenkundliche Berichte, Band 22.*

10. **Phạm Kim Ngân, 2008.** Hệ Cambri ở Việt Nam. *NXB. KH&KT Hà Nội.*
11. **Quốc hội nước CHXHCN VN, 2009.** Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Di sản văn hóa. Số 32/2009/QH12, ngày 18/6/ 2009. *Hà Nội.*
12. **Quốc hội nước CHXHCNVN, 2001.** Luật di sản văn hóa số 28/2001/QH10. *Hà Nội.*
13. **Tổng cục Du lịch Việt Nam, 2007.** Non nước Việt Nam. *Trung tâm Công nghệ Thông tin - Du lịch, Hà Nội.*
14. **Trần Tân Văn (Chủ biên), 2008.** Báo cáo “Điều tra nghiên cứu di sản địa chất và đề xuất CVĐC ở 25 khu vực ở miền Bắc Việt Nam”. *Lưu trữ Viện KHĐC&KS, Hà Nội.*
15. **Trần Văn Trị, Vũ Khúc (Đồng chủ biên), 2009.** Địa chất và tài nguyên Việt Nam. *Nxb KHCN. Hà Nội.*
16. **UNND tỉnh Hà Giang, 2005.** Quy hoạch tổng thể phát triển KT-XH tỉnh Hà Giang 2006-2020. *Hà Giang.*